

# VĂN HÓA DUNG HỢP VỚI CÁCH TIẾP CẬN CỦA PHẬT GIÁO VỀ SỰ LÃNH ĐẠO TOÀN CẦU HIỆN NAY

---

ĐD. Thích Hạnh Tuệ\*  
ĐD. Thích Thanh Quế\*\*

---

## TÓM TẮT

Dung hợp và tiếp biến là một trong những nét đặc trưng của văn hóa Phật giáo nói chung, văn hóa Phật giáo Việt Nam nói riêng. Ngay từ những năm đầu Công nguyên, tinh thần dung hòa Tam giáo, thể hiện rõ trong tác phẩm *Lý hoặc luận* của Mâu Bác. Một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên thành công hiển hách trong cách điều hành đất nước và lãnh đạo giáo hội Trúc Lâm của Phật Hoàng Trần Nhân Tông chính là chủ trương dung hòa Tam giáo mà Phật giáo là trục trung tâm. Tự tin ở chính mình, không ý lại, nương tựa và bất cứ cái gì và tinh thần dung hợp Phật – Đạo – Nho tạo nên những kỳ tích cho đất nước và Đạo pháp thời Trần. Tinh thần dung hợp tiếp biến giữa tư tưởng Phật – Đạo - Nho được thiền sư Hải Lượng, Toàn Nhật... tiếp tục kế thừa và phát huy.

## 1. VĂN HÓA DUNG HỢP

Sự tương tác qua lại giữa các hệ tư tưởng triết học nếu chúng có cơ hội giao lưu là một vấn đề mang tính tất yếu. Tức là nếu có giao

---

\*. Phó giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Văn học Phật giáo – Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Ủy viên Ban giáo dục Phật giáo Trung ương – GHPGVN; Giảng viên Học viện Phật giáo Việt Nam; Ủy viên Ban chấp hành Hội Nghiên cứu giảng dạy Văn học TP.HCM; Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ Thanh Nhân; Giảng viên Đại học.

\*\* . Ủy viên Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Giảng viên Học viện Phật giáo tại TP. HCM.

lưu ất có sự tiếp thu, tiếp biến. Mối tương quan giữa Phật giáo (Ấn Độ) và Nho giáo và Lão - Trang (Trung Quốc), vốn được xem là những cái nôi của nền văn minh nhân loại, cũng không đi ngoài quy luật này. Trong lịch sử văn hóa tư tưởng, mối quan hệ giữa Phật - Đạo - Nho vô cùng phức tạp, có giao lưu, giao thoa, có điều hòa, có tiếp biến, thậm chí có cạnh tranh, nhưng xu hướng chủ yếu vẫn là hòa đồng, dung hợp. Xu hướng này có lẽ đã manh nha từ khi Phật giáo từ Ấn Độ truyền vào Trung Quốc. Để người dân bản xứ dễ tiếp nhận Phật giáo, các nhà sư thường mượn những thuật ngữ của Nho gia và Đạo gia tương tự với tư tưởng Phật giáo, vốn đã rất quen thuộc với người dân ở đây. Ngược lại, các Nho sĩ, Đạo sĩ cũng thấy được sự bổ túc cần thiết của tư tưởng Phật giáo vào sự khiếm khuyết của Nho gia và Lão gia, nhất là phương diện hình nhi thượng học.

Xu hướng dung hòa Tam giáo đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của dân tộc Trung Quốc, trên từ vua, quan, danh sĩ, trí thức đến các thiền sư, nho sĩ, đạo sĩ, bình dân.

Thời Nam Bắc triều vua Lương Vũ Đế - vị vua hộ pháp, với *Tam giáo đồng nguyên thuyết*, ông chính thức đề xướng tinh thần “Tam giáo đồng nguyên” trên nền tảng Phật giáo. Khi nhà Đường thống nhất Trung Quốc, triều đình đã áp dụng chính sách quân bình Phật - Nho - Đạo, nhiều lần tổ chức cho Nho sĩ, Đạo sĩ, Hòa thượng tranh biện về sự ưu liệt trong tư tưởng triết lý của ba nhà. Đến thời Tống, tình hình học thuật có nhiều biến chuyển. Lý học Nho gia đã tiếp thu, cải biến một số nội dung tư tưởng trọng yếu của hai nhà Phật và Lão - Trang, nhất là tư tưởng Đại thừa Phật giáo. Vì vậy, tư tưởng Phật - Nho dần dần hòa lẫn vào nhau làm xuất hiện xu thế “dương Nho âm Thích”. Từ Bắc Tống đến Nam Tống, xu hướng Tam giáo hợp nhất ngày càng phổ biến. Tống Lý Tông từng đề xướng “Tam giáo nhất đạo” trong *Văn thủy chân kinh ngôn ngoại chỉ*. Nhà Nguyên sùng tín Phật giáo Tây Tạng và có chính sách hợp nhất Tam giáo nên tư tưởng này vô cùng phát triển. Đào Cữu làm *Tam giáo nhất nguyên đồ* trong *Nam thôn xuyết độc đồ*. Ông đem “Lý”, “Tính”, “Mệnh” của Nho gia phối với “Giới”, “Định”, “Tuệ” của Phật gia và “Tinh”, “Khí”, “Thần” của Đạo gia; đem “Nhân”, “Nghĩa”, “Lễ”, “Trí”, “Tín” của Nho phối với “Sắc”, “Thọ”, “Tuồng”, “Hành”, “Thức”, của Phật và “Luân”, “Nguyên”, “Đình”, “Lợi”, “Trinh” của Đạo. Cuối thời Nguyên đầu nhà Minh cho đến gần hết đời Minh tư tưởng Tam

giáo hợp nhất vẫn được lưu truyền rộng rãi, tiêu biểu là tác phẩm *Vô căn thọ giải* của Trương Tam Phong. Ông sử dụng các khái niệm, từ ngữ, thuật ngữ cả ba nhà như “sắc không”, “sinh diệt”, “viên giác”, “chánh pháp nhãn tạng”, “niết bàn diệu tâm”... của Phật; “kim đan”, “linh bảo trí”, “thêm mẽ nguyên châu”... của Đạo; “minh đức”, “thứ dân”, “thái cực”, “quân tử”... của Nho, tạo nên Tam giáo hỗn hợp luận. Lý Triệu Ân sáng lập “Đại Thành giáo” lấy tư tưởng hòa hợp Tam giáo là tông chỉ. Đầu đời Thanh sự dung hợp Tam giáo vẫn rất phổ biến, xuất hiện nhiều nhà lý luận Tam giáo. Từ cuối nhà Thanh cho đến nay, xu hướng Tam giáo đồng nguyên dần mai một nhưng vẫn còn sức ảnh hưởng không nhỏ trong đời sống xã hội.

Việt Nam ta, từ thế kỷ thứ II, thiền sư Mậu Bác đã viết *Lý hoặc luận* (195-198). Đây là tác phẩm đầu tiên ở Việt Nam bàn về mối quan hệ giữa ba hệ tư tưởng Phật – Đạo – Nho. *Lý hoặc luận* gồm có 37 điều: 3 điều đầu trình bày về Phật giáo; 8 điều luận về Lão giáo; 1 điều tổng kết, còn lại 25 điều tập bàn về mối quan hệ giữa Phật giáo và Nho giáo. Điều này giúp chúng ta thấy được, ngay từ cuối thế kỷ thứ II mối tương quan giữa Phật và Nho đã trở thành một vấn đề được nhiều người quan tâm.

Phật giáo khi bắt đầu vào Việt Nam ta, bằng con đường lan tỏa văn hóa, các nhà sư đã dung hợp tinh hoa tư tưởng Phật giáo với văn hóa tín ngưỡng đa thần bản địa, văn hóa Nho, Đạo đã tạo nên một nền văn hóa Phật giáo, văn hóa từ bi dung hợp vô cùng phong phú và đặc sắc trên mảnh đất Việt Nam chúng ta.

Các tác phẩm như *Tham đồ hiển quyết* của thiền sư Viên Chiếu (999-1090) đời Lý, rồi *Thiền tông chỉ nam tự* của Trần Thái Tông (1218-1277); Trịnh Tuệ (1701-?) viết *Tam giáo nhất nguyên thuyết*; Toàn Nhật (1757-1834) viết *Tam giáo nguyên lưu ký*.. đều là những tác phẩm bàn về những vấn đề tương quan của Phật – Đạo – Nho.

Thiền sư Trí Thiên bày tỏ quan điểm Phật Nho nhất trí, nhưng nhấn mạnh rằng, chỉ có Phật giáo mới thật sự thoát khổ được: “Lời nói của Như lai chẳng phải là lời nói suông. Các pháp ở trên thế gian này đều là hư ảo, không thực, chỉ có đạo mới là thực, ta còn cần gì nữa; vả lại, Nho gia nói đạo vua tôi, cha con; Phật pháp nói về công đức của các vị Bồ tát, Thanh văn. Hai giáo tuy có chỗ khác nhau nhưng quy về một mối mà thôi. Chỉ là, muốn vượt qua nỗi khổ sinh

tử, dứt khỏi sự cố chấp hữu vô, ngoài Phật giáo ra thì không thể nào đạt được” [1, tr.6].

Trong *Thiên tông chỉ nam tự*, Trần Thái Tông dẫn ý của lục tổ Huệ Năng: “*Cổ Lục Tổ hữu ngôn vân: Tiên đại thánh nhân dữ đại sư vô biệt, tắc tri ngã Phật chi giáo hựu giả tiên thánh dĩ truyền ư thế dã*” (Cho nên Lục Tổ có nói: bậc đại thánh và đại sư đời trước không khác gì nhau, như thế đại giáo của đức Phật ta phải nhờ tiên thánh mà truyền lại cho đời) [2, tr.26]. Ông còn lý giải sự tương đồng của Phật - Nho về mặt tích đức, hành thiện như sau: “*Nho điển thi ân báo đức, Đạo kính ái vật hiếu sinh, Phật duy giới sát thị tri*” (Sách Nho dạy thi ân bố đức, kinh Đạo giáo dạy yêu mọi vật, quý sự sống, đạo Phật dạy giữ giới không sát sinh) [3, tr.49]...

Huỳnh Công Bá nhận xét về mối đan xen tư tưởng trong một số danh Nho tiếng tăm trước và trong thế kỷ XVIII: “*Có khuynh hướng Nho giáo kết hợp với tư tưởng Lão - Trang mà tiêu biểu là Nguyễn Bình Khiêm; có khuynh hướng Nho giáo kết hợp với Đạo giáo mà tiêu biểu là Nguyễn Dữ; lại có khuynh hướng Nho giáo kết hợp với Phật giáo mà tiêu biểu là Ngô Thì Nhậm; và cũng có khuynh hướng kết hợp Nho giáo với Pháp gia mà tiêu biểu là Lê Quý Đôn. Hiện tượng tam giáo đồng nguyên trên nền tảng Nho giáo là xu hướng lớn của giai đoạn này. Nhưng hiện tượng đó cũng gây nên sự phản ứng trong một số nhà Nho ở cuối thế kỷ XVIII như Bùi Dương Lịch, Phạm Nguyễn Du, Phạm Quý Thích, Bùi Huy Bích*” [4, tr.96].

Do có những điểm tương đồng và gần gũi với tín ngưỡng dân gian bản địa nên tư tưởng Tam giáo nhanh chóng được dân chúng chấp nhận, đến thời Lý - Trần thì triều đình đã tổ chức khoa thi Tam giáo để chọn ra người tài đức để giúp nước. Có người cho rằng chủ trương Tam giáo đồng nguyên là “có tính chất chính trị hơn là về mặt triết học” [6, tr.29]. Theo thiển ý của chúng tôi, ngoài những yếu tố khác, nội hàm tư tưởng và mục đích cứu cánh của ba hệ tư tưởng này vốn có những điểm tương đồng, bổ sung cho nhau, cũng là một trong những yếu tố để sản sinh ra quan niệm “Tam giáo đồng nguyên”.

Daine Morgan nói: “*Cả Lão giáo và Khổng giáo đều sử dụng nhiều thuật biểu tượng âm dương. Khái niệm về âm dương là nền tảng triết học của cả Khổng giáo và Lão giáo. Hai truyền thống này, dù đối chọi nhau ở nhiều lẽ thói, nhưng cả hai gần với ý tưởng về sự trao đổi động*

*nền tảng giữa các lực bổ sung*” [8, tr.177].

Trong phần viết về *Đại chân Viên giác thanh, Thái cực và Vô cực, Lý và Khí* của bộ *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nguyễn Lang khẳng định đây là một tổng hợp Nho – Phật khá độc đáo [9, tr.655]. Những sở đắc về Nho học được thiền sư Hải Lượng đưa vào trong các đề tài thiền quán. Vì vậy nhiều lúc ta thấy những giáo lý của Phật giáo được trình bày qua cái nhìn của một nhà Nho, như Nguyễn Lang nhận xét: “*Đứng về phía Phật học mà nói thì không là thể tính của vạn hữu, bất sinh bất diệt, không từ đâu tới cũng không đi về đâu (vô sở tòng lai diệt vô sở khứ), không thể diễn tả bằng ngôn ngữ khái niệm (vô thanh chi thanh). Đứng về phái Nho học mà nói thì không là Thái Cực là khí hỗn nguyên (hỗn độn). Đó là âm thanh thứ nhất mà nhóm Hải Lượng muốn đánh lên*” [9, tr.655].

Lê Văn Siêu nhận xét về *Đại chân viên giác thanh* rằng: “*Đây là sự phối hợp tinh hoa của Nho, Phật và Đạo gia tạo thành một đồ hình theo cửu cung bát quái có công dụng thực tế, mà riêng phần sáng tác thì có sự phù hợp với toàn bộ tác phẩm trong một kiến trúc chặt chẽ... Riêng phần quan niệm ra 24 thanh, trữu tượng trong cái trữu tượng phải kể là một công phu tuyệt vời. hướng còn những lời giảng về những thanh ấy, bằng những câu chuyện ngụ ngôn hóaan dụ, hay những điển tích rút ra trong kinh sách Phật hay Nho, cũng như những lý luận đột ngột trong cuộc đàm thoại giữa đại thiền sư và đồ đệ, ta thấy tác giả quả là người thông thái, mà sáng tác phẩm đã đáng kể là tiêu biểu cho mức tiến hóa tinh thần của người Việt ở thế kỷ XVIII*” [17, tr.880-881].

## 2. SỰ DUNG HỢP, GIAO THOA TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO VÀ NHO GIÁO

Từ xưa đến nay, các nhà lãnh đạo Việt Nam nói chung, lãnh đạo Phật giáo nói riêng rất chú trọng xu hướng dung hợp Tam giáo, Phật - Nho nhất trí, phát huy nguyên khí, tinh hoa sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Phan Đăng cho rằng, thời chúa Nguyễn, Nho và Phật đã kết hợp một cách nhuần nhuyễn, tạo ra một phong cách đặc biệt trong giới cầm quyền cũng như trong quần chúng.

Cuối thế kỷ XVIII, tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* ra đời do thiền sư Hải Lượng Ngô Thì Nhậm và các pháp hữu đệ tử chủ trương, đã luận giải rất logic, chặt chẽ, tư tưởng dung hợp Tam giáo nói chung, Phật – Nho nhất trí nói riêng một cách có hệ thống.



Hải Huyền Ngô Thì Hoàng đánh giá rất cao tư tưởng của thiên sư Hải Lượng Ngô Thì Nhậm hàm chứa trong tác phẩm luận thuyết quý giá này, nhất là tư tưởng Phật – Nho nhất trí:

*“Chương này đem Nho và Thích đúc lại làm một, đó là chỗ tâm đắc và nhất quán của Đại thiên sư ta, phát huy nó ra làm một trong hai mươi bốn thanh, là một áng văn chương cao cả, một pho nghị luận lớn lao, nào phải lấy ống hóp mà nhìn, lấy võ hển mà đong được.”* [7, tr.265]. Lời tâm huyết trên rất đáng để chúng ta suy ngẫm, cẩn trọng trong khi đọc, tìm hiểu và nhận xét, đánh giá về giá trị và tư tưởng của tác phẩm luận thuyết triết học đậm chất áo bí này.

*Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* bắt đầu bằng *Không thanh*. *Không thanh* trong tác phẩm của Ngô Thì Nhậm ứng với phạm trù Thái cực, có gốc từ Vô cực của Nho gia và triết lý Tính không của Phật giáo. Nếu Phật giáo quan niệm rằng “tính không” là thật tướng của vạn pháp, thì Nho gia xem thái cực là nguồn gốc phát sinh của vạn vật. Ngô Thì Nhậm quả là sâu sắc khi chọn *Không thanh* là thanh đầu tiên của hai mươi bốn thanh.

Lý và Dục là hai vấn đề lớn được nêu ra trong thanh đầu tiên này. Đây không chỉ là hai phạm trù triết lý cơ bản được các Nho gia xuất sắc đời Tống tranh luận, mà còn là những vấn đề cốt lõi của tư tưởng Phật giáo. Dấu ấn của lý học Tống Nho để lại trong tác phẩm thể hiện rõ nhất thông qua cách giải thích về Lý và Dục của Hải Lượng. Nếu đại biểu của phái Lý học – Chu Hi cho rằng Tính là Lý thì đại biểu của phái Tâm học – Lục Tượng Sơn khẳng định Tâm là Lý. Chu Hi cho rằng: *“Lý là cái có trước và nhờ nó mới sinh ra vạn vật. Như cái lý của thuyền và xe, cái gọi là phát minh ra thuyền và xe chẳng qua là phát hiện ra cái Lý của thuyền và xe, rồi dựa theo Lý ấy tạo ra thuyền và xe trong thực tế”* [10, tr.600].

Mối quan hệ giữa Nho và Phật là vấn đề trọng yếu nhất của tác phẩm. Tinh thần dung hợp giao thoa giữa Nho và Phật có thể thấy được ngay trong lời tựa của tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* do Bảo Chân đạo nhân Phan Huy Ích viết: *“Giáo lý của Thích Ca tuy nói là không tịch hư vô nhưng đại yếu vẫn là trừ bỏ hết mọi chướng lữ, thấy rõ chân như. Cho rằng minh tâm kiến tánh là việc cần kíp nhất, nếu đem so sánh với học thuyết thành ý trí tri của nhà Nho ta, thật chẳng có gì trái ngược. Ta nghe đức Phu tử nói ‘Tây*

phương có bậc đại thánh nhân'. Thế thì Phu tử vốn chưa hề chê bai đạo Phật là dị đoan" [7, tr.141].

Tuy không đả kích Phật giáo cực đoan và phiến diện như Bùi Dương Lịch, Phạm Quý Thích, Phạm Nguyễn Du, Bùi Huy Bích... nhưng Phan Huy Ích vẫn có ý đề cao Nho gia hơn Phật giáo: 盡性而窮理驅釋以入儒使梵王八部不出素王宮墻 *Tận tính nhi cùng lý khu Thích dĩ nhập Nho sử Phạn vương bát bộ bất xuất Tố vương cung tường*. (Tận tính nhi cùng lý, khu Thích dĩ nhập Nho, ông đã khiến cho tám bộ Phạn vương không ra ngoài cung tường của Tố vương) [7, tr.143].

Nếu Phan Huy Ích cho rằng: "*Khu Thích dĩ nhập Nho*" (đưa đạo Phật vào đạo Nho) là xu hướng chính của Hải Lượng thiền sư Ngô Thì Nhậm khi viết nên tác phẩm này, Thì Nguyễn Lang Thích Nhất Hạnh có cách nghĩ khác về quan điểm này của Phan Huy Ích: "*Hải Lượng đã vượt qua hàng rào kỳ thị chia cách. Đối với ông, cuộc sống là quan trọng, tuệ giác nằm trong lòng sự sống, hình thái ý thức hệ không còn quan trọng nữa. Thế nhưng Phan Huy Ích không hiểu được ông, vẫn khăng khăng nói rằng, tác phẩm Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh là một công trình đem đạo Phật về với đạo Nho, đâu biết rằng đối với Hải Lượng, sự phân biệt không còn hiện hữu nữa*" [9, tr.637].

Quan điểm của thiền sư Thích Nhất Hạnh rất xác đáng. Bởi vì, rõ ràng là ngay trên tiêu đề tác phẩm này đã thể hiện rõ nội dung chính của tác phẩm là khôi phục và xiển dương tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm. Nếu như quả thật cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là đưa đạo Phật vào đạo Nho, thì có lẽ nên đổi tên tiêu đề của tác phẩm, hoặc giả tác phẩm này đã không cần có mặt như ta thấy hiện nay. Điều này càng được khẳng định chắc chắn hơn qua lời của Ngô Thì Hoàng ở thanh đầu tiên:

"*Thầy ta xử thế bằng đạo Nho, xuất thế bằng đạo Thiên, không phải là biện luận quá mà làm cho người đời kinh hãi. Vì thầy ta tự tại trong lý ấy, rồi vượt ra ngoài cái lý ấy. Chỉ có thầy ta mới thấu suốt chân lý, nên mới lấy thuyết này phá tan mọi nghi ngờ.*" [9, tr.117].

Ở chương *Thoát thanh*, Hải Lượng thiền sư nói: "*Phật Thích Ca Mâu Ni sinh sau Đế Thuấn họ Ngu, cho nên tiếp thu được cái phép phá ngục [của Thuấn] để mà tế độ chúng sinh... Họ Ngu lấy phép "Tinh nhất" mà phá nó. Thích Ca Mâu Ni lấy cái phép "Tinh tiến" mà phá*

nó. Sau này, Nhan Hôi nói “Khắc kỷ”, Đại Tuệ nói “Sát hại”, cả hai đều dụng công ở trên chữ Tinh, cho nên cái tinh lực để đánh phá địa ngục là thanh bảo kiếm Kim cương”...

Chỉ nghe nhà Phật giảng giải về địa ngục và phương pháp phá địa ngục, chứ chưa từng thấy trong kinh điển nhà Nho đề cập đến vấn đề này. Như, thần chú mật tông dùng để phá địa ngục: “Phá địa ngục chơn ngôn: Ấn đà ra đế da ta bà ha” [11, tr.170], hay trong kinh Địa Tạng, Bồ tát Địa Tạng phát nguyện: 眾生度盡方證菩提地獄未空誓不成佛. Chúng sinh độ tận, phương chứng bồ đề, Địa ngục vị không, thế bất thành Phật. (Độ hết chúng sinh mới chứng quả bồ đề, Địa ngục chưa hết tội nhân, nguyện không thành Phật). Nên Hải Lượng nói phá ngục chính là phá vỡ sự trói buộc, cố chấp trong tâm mình.

Nói Phật Thích Ca Mâu Ni vì sinh ra sau Đế Thuấn nên học được phép phá ngục của họ Ngu e rằng hơi khiên cưỡng. Khiên cưỡng trong cả nghĩa thực và nghĩa ẩn dụ của “phép phá ngục”. Bởi vì, nhà Nho có cách tu tâm dưỡng tính, tồn tâm hướng thiện của nhà Nho. Nhưng chủ yếu nhà Nho dạy người tu “Nhân đạo” thuộc **Dục giới**. Nhà Phật giảng giải rõ ràng về Tam giới (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới), Lục đạo luân hồi (Địa ngục đạo, Ngạ quỷ đạo, Súc sinh đạo, Nhân đạo, Atula đạo, Thiên đạo) và phương pháp tu tập giải thoát ra khỏi sự ràng buộc trong Tam giới và Lục Đạo. Nhà Phật cho rằng Vô minh tham ái là ngục tù lớn nhất trói buộc, giam cầm con người. Chỉ có gươm báu trí tuệ mới chặt đứt được phiền não Vô minh tham ái đưa con người đến bờ an lạc giải thoát.

Thiền sư Hải Lượng giảng giải về lý bình đẳng của Phật so với nghĩa đại đồng của Nho gia: “Ta nghe Khổng Tử nói chim muông (ta) không thể cùng bầy được, nếu không bạn bè với người thì ta còn bạn bè với ai? Kinh Liên hoa nói rằng, ta xem hết thấy đều bình đẳng, không có lòng yêu này ghét nọ. Ta không tham cái gì cũng không có cái gì hạn định và trở ngại (ta) cả. Đó là cái nghĩa đại đồng của Nho gia)” [7, tr.174]. Rõ ràng, cái nghĩa đại đồng của Khổng tử thiết lập trên bình diện con người với con người, loại bỏ muôn thú ra ngoài. Còn cái nghĩa bình đẳng của nhà Phật là tất cả chúng sinh đều bình đẳng, bao gồm cả Phật trời thần thánh. Như vậy cái nghĩa bình đẳng của Phật giáo đã bao hàm cái nghĩa đại đồng của Nho gia.

Trong chương *Định thanh*, Hải Lượng còn đưa ra cách lý giải



về sự tương đồng và dị biệt trong quan niệm quân tử và tiểu nhân của Nho gia và Thích gia: “Nho thì có Nho quân tử, Nho tiểu nhân; Thích thì có Thích quân tử và Thích tiểu nhân. Nho quân tử thì vị kỷ, Nho tiểu nhân thì vị nhân. Thích quân tử thì vị nhân, Thích tiểu nhân thì vị kỷ”... Ông trả lời câu hỏi Nhân và Kỳ có khác nhau không? của học trò rằng: “Chữ Kỳ và chữ Nhân trong luận chứng của nhà Nho là đứng về mặt Tâm Tính mà nói. Thích quân tử thì xả kỷ (bỏ mình) để tế độ người, Thích tiểu nhân đe dọa người để nuôi mình, đó là đứng ở mặt Lý và Dục mà phân Nhân và Kỳ. Chữ Nhân và chữ Kỳ của đảng này (Phật) so với chữ Nhân và chữ Kỳ của đảng kia (Nho) thì công phu và tác dụng không giống nhau nhưng quy kết về tâm tính thì là một mà thôi. Vì vậy, cho nên nhà Nho nói Chính Tâm, nói Thành Tính, nhà Phật nói Minh Tâm, nói Kiến Tính đều là có nghĩa Đạo người quân tử rộng khắp mà kín đáo (Quân tử chi đạo phí nhi ẩn)... Phật gia thì nói Tướng Kim (thân như hoàng kim), Nho gia thì Phương Kim (Tây Bắc thuộc kim). Cát chứa Kim trong cái vô dụng, đó là cái đạo của trời, chỉ có người quân tử mới biết được” [7, tr.177]. Xưa nay, chỉ nghe nhà Nho xem trọng khái niệm quân tử và tiểu nhân, chứ chưa từng nghe nhà Phật nói đến. Nếu nhìn từ góc độ thiện – ác của Phật giáo, thì quân tử là thiện, tiểu nhân là ác.

Luận về sự tương đồng trong quan niệm về tính mệnh và sự chết giữa Chu Dịch và kinh Lăng già, Hải Lượng cho rằng: “Chu Dịch có sáu mươi bốn quẻ, mà chỉ cho quẻ Khốn được chữ Trí Mệnh. Lăng già có tám thức mà chỉ cho ý thức được chữ Niết Bàn. Nho không cho phép người ta coi nhẹ cái chết. Thích cũng không cho người ta coi nhẹ cái chết. Ý Thức và cái tượng của quẻ Khốn giống nhau. Cái tượng của quẻ Khốn là nước nhỏ giọt ở dưới chằm, là nước lia khỏi chằm: Ý Thức như bể nổi gió, nổi lên vô số đợt sóng. Quẻ Khốn phải là Trí mệnh, Ý thức là Niết bàn. Vì vậy cho nên nhà Nho lấy ‘Nghĩa tinh nhân thực’ làm quý. Nhà Thích lấy ‘Trí minh ý cao’ làm quý. Nếu nhân nghĩa không tinh thực, trí ý không cao minh, không qua được cửa ải sinh tử, thì làm sao chế định được cái mệnh sinh tử của con người? Khổng tử là chủ của tính mệnh, Phật Thích Ca Mâu Ni là khách của tính mệnh. Một đôi chủ khách ấy, có từ khi trời đất mới mở ra” [7, tr.198].

Sống chết là vấn đề muôn thuở của con người. Các hệ tư tưởng, các triết gia đều quan tâm giải quyết. Phật giáo xem sinh tử là việc lớn nhất trên đời, Nho gia xem trọng, giữ gìn thân thể do cha mẹ

sinh ra, khuyến cáo mọi người không thể xem nhẹ cái chết. Liên quan đến quan niệm về sống chết, mặc dù tư tưởng Lão - Trang cũng được các tác giả tiếp thu, thâm nhập, dung hoà dưới tông chỉ Tam giáo đồng nguyên, nhưng đây đó trong tác phẩm vẫn có chỗ những người cộng sự của tác giả phân **chính văn** phê phán thậm chí là đả kích Đạo gia. Hải Âu nói: “*Trang - Lão có thuyết điều qua kiến bọ (người chết thì đừng chôn, cứ để cho điều qua kiến bọ ăn) thì lại là bữa bãi, quái gở, không hợp với đạo. Từ xưa đến nay, Thiên gia vẫn lấy Viên Tịch làm siêu thoát, lấy Xá Thân làm chân tu, điều này vẫn hàm ý sâu xa mà ít người biết*” [7, tr.207] ...

Nói Phật Thích Ca là khách của tính mệnh vì Phật Thích Ca đã đạt đến Niết Bàn, vượt ra ngoài, vượt lên trên sự sống chết. Tức là vấn đề sống chết không còn trói buộc được Phật Thích Ca. Còn Khổng tử đã đến cảnh giới “tri thiên mệnh” nên có thể chế định được thiên mệnh, làm chủ vận mệnh. Con người có thể làm chủ được vận mệnh của chính mình, Phật Thích Ca cũng là con người bình thường, nhờ nỗ lực tu tập, tìm ra chân lý, vượt qua biển khổ sinh tử luân hồi, đến giải thoát Niết Bàn; Khổng tử cũng là con người bình thường, nhờ không ngừng học hỏi, tu dưỡng đạo đức, mới có thể tri thiên mệnh được. Điều này thể hiện quan điểm tích cực của Hải Lượng trong việc khẳng định giá trị con người và tin tưởng vào năng lực con người.

Thiên sư Hải Lượng còn cho rằng Nho gia và Phật gia tương đồng cả về hình tướng thể hiện: 儒說皇帝王霸佛說聖神魔鬼其致一爾 *Nho thuyết Hoàng Đế Vương Bá, Phật thuyết Thánh Thần Ma Quỷ kỳ trí nhất nhĩ.* (Nho thì nói Hoàng Đế, Vương Bá, Phật thì nói Thánh Thần Ma Quỷ cũng là nhất trí thôi) [7, tr.188].

Sự tương đồng của Phật gia và Nho gia còn thấy được qua nội dung uyên áo của kinh Lăng già và cái huyền hư của kinh Dịch: 佛演楞伽, 易之玄虛也. *Phật diễn Lăng già, Dịch chi huyền hư dã.* (Phật diễn giảng kinh Lăng già, tức là giảng cái u huyền của Chu Dịch) [7, tr.285]. Hơn nữa, đến cả cái thô và cái tinh trong việc học Phật, học Nho cũng không khác nhau: 儒家詞章之學釋家齋醮之學是攻乎異端也佛聖道理之端何常有異然舜章齋醮儒釋之粗. *Nho gia từ chương chi học, Thích gia trai tiểu chi học thị công hồ dị đoan dã Phật Thánh đạo lý chi đoan hà thường hữu dị nhiên. Thuấn chương trai tiểu Nho Thích chi thô* (Cái học từ chương của

Nho gia, cái học chạy cúng của Thích gia ấy là “chạy theo dị đoan”. Cái “đoan” (hệ thống) đạo lý của Phật và của Thánh có bao giờ “dị” (khác) đâu, nhưng từ chương và chạy cúng là cái thô của Nho và Thích” [7, tr.285]. Hải Lượng cho rằng tiến trình nhận thức kể cả Nho và Phật đều phải theo thứ tự từ thô vào tinh: 非始於粗道理之精無自而入 *Phi thủy u thô đạo lý chi tinh vô tự nhi nhập* (Nếu không bắt đầu từ cái Thô thì cái Tinh của đạo lý không do đâu mà vào được.) Cách nghĩ này có lẽ chỉ đúng với Nho học và Phật học ở cấp độ Nhân thừa, chứ chưa phù hợp với tôn chỉ “Tức tâm tức Phật” Thiền tông nói chung, “Phật tại tâm” của Thiền phái Trúc Lâm nói riêng.

Bảo Chân đạo nhân Phan Huy Ích đón đầu sự phản bác của Nho sĩ khi đọc tác phẩm này như sau: “Thuyết tân thanh của ông, bọn tục Nho nghe thấy chắc sẽ đâm ra nghị luận, mà ví ông như Xương Lê (Hàn Dũ) trước thì bài Phật, sau lại nghiêng theo. Tượng Sơn (Lục Cửu Uyên) chủ trương **tĩnh** chính là bắt gốc ở đạo Thiền. Dem những lời ỨC ĐOÁN TÂM THƯỜNG như thế để phẩm bình ông thì làm sao mà đánh giá được sở học của ông!”, đồng thời còn luận giải rõ sự nhất quán của Nho - Phật trên con đường thể nhập đạo lớn: “Đạo lớn phát ra tự trời, lưu hành khắp vũ trụ, phân tán thành vạn vật. Cái **thể** thì đồng, nhưng cái **dụng** thì dị. Đồng là gốc, còn dị là ngọn, xem bề ngoài thì tưởng như khác đường khác nẻo, nhưng thống hội lại cho đến chỗ cực kỳ tinh vi thiết yếu thì chẳng có gì là vượt ra ngoài đạo lớn kia được. Giáo lý của Thích Ca tuy nói là không tịch hư vô, nhưng đại yếu vẫn là trừ bỏ hết mọi chướng luỹ, thấy rõ chân như. Cho rằng **minh tâm kiến tính** là việc cần kíp nhất, nếu đem so sánh với học thuyết **thành ý trí tri** của nhà Nho ta thật chẳng có gì trái ngược” [7, tr.141] ...

Thiền sư Hải Lượng chỉ ra phạm vi tác dụng rộng lớn của Phật gia và Nho gia: “Khổng Tử tịch tĩnh bất động, nhưng có tác dụng với sự cố trong thiên hạ. Đại Thế Chí Bồ tát vào trong vô lượng ngã-hĩa, ở trong tam muội, thân tâm bất động, phóng ánh sáng bạch hào nơi lông mày chiếu rọi một vạn tám nghìn thế giới ở Đông phương khắp hết mọi chỗ, như thế gọi là **Pháp gia**” [7, tr.174].

Trong chương *Nhất thanh*, phân *Thanh dẫn*, Hải Huyền Ngô Thi Hoàng dung hợp Nho và Phật trong nghĩa chữ **Nhất**: “Nhất là tinh chất, không tạp, hợp tất cả muôn việc trong thiên hạ lại làm một. Ý nghĩa ấy bao gồm rất rộng. Thái Cực tóm âm dương lại làm một, Âm

Dương tóm ngũ hành lại làm một. Đạo lý vẫn xoay, đi đâu chẳng phải là một (Nhất). Nhà Nho nói: “lý không có hai bên cùng phải” không có hai phải tức là Nhất (một). Thích có **bất nhị pháp môn**, bất nhị cũng là Nhất (một). Nho có cái gọi là **nhất cá lý**, Thích có cái gọi là **nhất thiết pháp**, nhất nọ với nhất kia đều là Nhất cả. Vì vậy cho nên làm Hoàng Đế, làm Vương Bá, cũng là một Nho ấy, làm Thánh Thân, làm Ma Quỷ cũng là một Thích ấy, làm Nho hay làm Thích cũng là một **đạo** ấy” [7, tr.187-188]...

### 3. DĨ NHO GIẢI PHẬT

Như tiêu đề của nó, tông chỉ của tác phẩm luận thuyết triết học *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* là sự kế thừa, xiển dương tinh thần vô ngã, nhập thế cứu đời của Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử do Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông sáng lập. Tuy vẫn kế thừa tinh thần hoà hợp Tam giáo của Thiên phái Trúc Lâm, nhưng theo xu hướng “dĩ Nho giải Phật” (dùng triết lý nhà Nho để lý giải tư tưởng Phật giáo). Đây cũng là một trong những đặc điểm tạo nên nét rất riêng của tư tưởng tác phẩm.

Từ giữa thế kỷ XIV đến thế kỷ XV, Nho gia dần dần chiếm vị trí quan trọng trên chính trường, Nho giáo ngày càng có ảnh hưởng lớn trong xã hội. Đến nửa cuối thế kỷ XVIII, nội chiến liên miên giữa các thế lực Lê - Trịnh - Nguyễn, rồi phong trào nông dân khởi nghĩa đã làm cho nhân dân thêm khốn khổ, cơ cực. Lúc này “cư Nho mộ Phật” vẫn là quan niệm sống được tầng lớp trí thức chọn lựa, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội. Nếu ở đời Trần, tư tưởng Phật giáo thiên tông Trúc Lâm là tư tưởng chính thống thì thời kỳ này luân lý Nho giáo chiếm vị trí chủ đạo. Phải chăng, chính sự **khinh** hay **trọng** tư tưởng Phật hoặc Nho là một trong những nguyên nhân dẫn đến hệ quả là sự **hưng** hay **suy** của dân tộc ta?

Hải Hòa Nguyễn Đăng Sở lý giải về sự nhất trí của Phật và Nho bằng cách dùng học thuyết Nho gia để giải thích những triết lý uyên áo của nhà Phật: “Vạch ra cái lý huyền diệu, mở cái tâm sâu kín để trở cho người ta, ấy là công việc thứ nhất của thiên gia. Thế mà phải dùng luận thuyết của nhà Nho để luận thuyết điều đó, đó là chỉ vì đạo chỉ có một mà thôi. Chỗ huyền diệu của nhà Nho tức là Thiên, chỗ tác dụng của Thiên tức là Nho. Gạt bỏ văn từ kỹ xảo (Nho) và

giới hạnh tâm thường (Phật) mà tìm cái gọi là Đạo, thì Nho và Phật có thể nhất quán được” [7, tr.149].

Thiền sư Hải Lượng dùng lý luận nhà Nho giải thích thuyết Luân Hồi của nhà Phật nhằm giúp mọi người dễ hiểu hơn: “Luân (cái bánh xe) cho nên Hồi (xoay vòng), cũng như nhà Nho nói Tuần Hoàn, vì Hoàn (cái vòng) cho nên Tuần (ven theo), không phải cái vòng thì không xoay. Nhà Phật nói Luân (cái bánh xe), nhà Nho nói Hoàn (cái vòng). Luân và Hoàn là đạo trời vậy... Tròn là cái thể của trời, nhật, nguyệt, ngũ tinh đều tròn, cho nên chu lưu, vận hành được. Thích Ca Mâu Ni chuyển cái bánh xe Vô Ngại, Khổng Tử đi xe vòng quanh các nước. Đi xe vòng quanh tức cũng là luân hồi... nhà Nho có chữ Biến Thông, Cảm Thông, Hội Thông; nhà Phật có chữ Thân Thông, cùng một nghĩa như nhau” [7, tr.217]

Vì sao trong giai đoạn lịch sử này, Hải Lượng và các pháp hữu phải làm như vậy? Có lẽ vì trong thời điểm này, Nho sĩ rất thịnh, chiếm vị trí quan trọng trong chính trường, có một bộ phận lớn Nho sĩ, do không thông hiểu triết lý nhà Phật và có sẵn thành kiến cố chấp, nên kịch liệt đả kích Phật giáo, đến nỗi một Nho sĩ bác học như Lê Quý Đôn phải lên tiếng ngăn cản. Mâu thuẫn, chia rẽ của các nhân sĩ trí thức thuộc Phật giáo và Nho giáo là một trong những nguyên nhân chính làm cho nguyên khí quốc gia bị phân tán, suy yếu, dẫn đến nội chiến loạn lạc trong một thời gian dài.

Thiền sư Hải Lượng Ngô Thì Nhậm cùng các danh sĩ Bắc Hà bật nhất trong giai đoạn này đều cho rằng, muốn phát huy tinh hoa nguyên khí của đất nước, sức mạnh của toàn dân tộc để phục hưng đất nước trong thế kỷ XVIII, thì không gì hơn là, phục hưng tinh thần dung hợp Tam giáo trên cái nền thiền học Phật giáo theo con đường Phật Hoàng Trần Nhân Tông và thiền phái Trúc Lâm đã làm trước đó năm thế kỷ.

#### 4. THAY LỜI KẾT

Văn hóa từ bi dung hợp một trong những nét đặc trưng quan trọng của văn hóa Việt Nam nói chung, văn hóa Phật giáo Việt Nam nói riêng. Các nhà lãnh đạo Việt Nam, lãnh đạo Phật giáo Việt Nam từ xưa đến nay đều quan tâm đặc biệt như Lý Thái Tổ, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông Tuệ Trung Thượng sĩ, Trần Nhân Tông, thiền sư Hương Hải, thiền sư Chân



Nguyên, chúa Hưng Long Nguyễn Phúc Chu, thiền sư Hải Lượng Ngô Thì Nhậm, thiền sư Toàn Nhật... Chủ trương dung hòa tịnh hành Tam giáo Phật – Đạo – Nho mà Phật giáo là trục trung tâm của Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã góp phần tạo nên một thời kỳ huy hoàng của Phật giáo Việt Nam và ghi lại những trang sử vàng của dân tộc Việt Nam thời Trần. Văn hóa dung hợp với những bài học giá trị thực tiễn lịch sử đáng để chúng ta suy ngẫm nhất là trong thời đại công nghệ tri thức, công nghệ thông tin phát triển như hiện nay. Chúng ta hân hoan chào mừng lễ Vesak 2019 tại Việt Nam với chủ đề, Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững thì vấn đề văn hóa dung hợp là rất đáng suy ngẫm.

\*\*\*

### Tài liệu tham khảo

- Thiền uyển tập anh*, bản Vĩnh Thịnh, Thư viện Viện Hán Nôm, ký hiệu A. 3144, tr.6.
- Nguyễn Huệ Chi chủ biên (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, Tập II, Quyển thượng. Nxb. KHXH, H.
- Trần Thái Tông (2003), *Khóa hư lục* (Thích Thanh Kiểm dịch). Nxb. Tôn giáo, H.
- Nhiều tác giả (2007), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Thuận Hóa, Huế.
- David E. Cooper (2005), *Các trường phái triết học trên thế giới* (Ai dịch?). Nxb. Văn hóa – Thông tin, H.
- Mai Quốc Liên (Chủ biên) (2003), *Ngô Thì Nhậm – tác phẩm*, Tập 1. Nxb. Văn học, H.
- Mai Quốc Liên chủ biên (2003), *Ngô Thì Nhậm – tác phẩm*, Tập 3. Nxb. Văn học, H.
- Diane Morgan (2008), *Triết học và tôn giáo phương Đông*, Lưu Văn Hy dịch. Nxb. Tôn giáo, H.
- Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Tái bản. Nxb. Văn học, H. (trọn bộ)
- Phùng Hữu Lan (2006), *Lịch sử triết học Trung Quốc*, Tập 2 (Lê Anh Minh dịch). Nxb. KHXH, H.
- Nhiều tác giả (2008), *Kinh nhật tụng*. Nxb. Tôn giáo, H.
- Lâm Giang (Chủ biên) (2008), *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, Tập 5. Nxb. KHXH, H.
- Thích Hạnh Tuệ (2018), *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh trong văn học Phật giáo Việt Nam*. Nxb. KHXH, H.
- Nhiều tác giả (2015), *Nho - Thích - Đạo chi triết học đối thoại*. Thương vụ ấn thư quán, Bắc Kinh (Tiếng Trung).
- Thích Hạnh Tuệ (2018), *Văn học Phật giáo Việt Nam – một hướng tiếp cận*. Nxb. KHXH, H.

Vương Hồng Quân (2008), *Trung cổ thời kỳ Nho – Thích – Đạo chính hợp nghiên cứu*, Thiên Tân nhân dân xuất bản xã (Tiếng Trung).

Lê Văn Siêu (2006), *Việt Nam văn minh sử*, Tái bản. Nxb. Văn học, H.

Daisetz Teitaro Suzuki (1992), *Nghiên cứu kinh tạng già*. Thích Chơn Thiện và Trần Tuấn Mẫn dịch. Nxb. Tôn giáo, H.